

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày 27/9/2023
V/v “tranh chấp hợp đồng vay”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Công.
- Bà Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-DS, ngày 5 tháng 6 năm 2023, về việc: tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 531/2023/QĐST-DS, ngày 7/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Trọng N – sinh năm 1992.

Địa chỉ: A, ấp N, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thanh N1, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 3, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Anh N có đơn xin vắng mặt, ông N1 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Trần Trọng N trình bày:

Vào ngày 3/4/2019 âm lịch, anh cho ông N1 vay 15.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 10 tháng, có giấy biên nhận vay tiền và các bên cùng ký tên vào biên nhận, ông N1 hẹn đến ngày 03/02/2020 sẽ trả nhưng đến nay chưa

trả vốn. Quá trình vay, ông N1 có đóng lãi nhưng không đúng thỏa thuận, từ tháng 01/2020 ông N1 không đóng lãi đến nay.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh N yêu cầu ông N1 trả vốn 15.000.000đ và lãi từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2023 là 41 tháng x 0,83%/tháng là 5.104.500đ (15.000.000đ x 0,83% x 41 tháng là 5.104.500đ), tổng vốn và lãi là 20.104.500đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh N yêu cầu ông N1 có trách nhiệm trả vốn 15.000.000đ và lãi 5.104.500đ, xét ông N1 hiện đang cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 3/4/2019 âm lịch anh N cho ông N1 vay 15.000.000đ, mục đích vay tiền để trồng trọt, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 3/4/2019 đến ngày 3/02/2020 âm lịch) và các bên ký thỏa thuận là có thật, việc ký kết thỏa thuận là sự tự nguyện của các bên, anh N đã thực hiện đúng thỏa thuận là giao tiền cho ông N1 nhưng ông N1 không thực hiện đúng các thỏa thuận đã ký kết trong biên nhận nợ nên buộc ông N1 có nghĩa vụ trả cho anh N vốn 15.000.000đ là phù hợp các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi, các bên thỏa thuận lãi 2%/tháng, anh N thừa nhận ông N1 có trả lãi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu do ông N1 không thực hiện đúng thỏa thuận đã ký và từ tháng 01/2020 đến nay ông N1 không trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các đơn khởi kiện, anh N yêu cầu ông N1 trả lãi 5.104.500đ, nhưng tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh N yêu cầu ông N1 trả vốn, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác và Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết, trong

đơn xin xét xử vắng mặt, anh N yêu cầu ông N1 trả lãi 5.104.500đ là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”

.....

Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N1 nhưng ông N1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cũng không gửi văn bản phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn từ đó cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình trong vụ án này.

[3] Về án phí: Về tạm ứng án phí và án phí ông N1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ cho anh Trần Trọng N

15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu mức lãi suất theo quy định Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho anh Trần Trọng N 503.000đ (năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015953 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**